

Bản án số: 91/2019/DS-PT

Ngày: 21-8-2019

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên Tòa: Bà Đinh Thị Quý Chi

Các Thẩm phán:

Ông Lê Viết Hòa

Ông Nguyễn Văn Nhân

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa:
Ông Hà Văn Chuyên - Kiểm sát viên.

Ngày 21/8/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 86/2019/TLPT-DS ngày 03/7/2019 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”. Do Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2019/DS-ST ngày 25/4/2019 của Tòa án nhân dân huyện L bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 106/2019/QĐ-PT ngày 25/7/2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: - Ông Trần Trung M, sinh năm 1963 (vắng mặt)

- Bà Đặng Ngọc D, sinh năm 1963 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Số 23/6, tổ 5, khu phố N, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bình Phước.

Người đại diện theo ủy quyền của các nguyên đơn: Ông Trần Thiết H, sinh năm 1960, địa chỉ: Số nhà 82, đường Lý Tự Trọng, khu phố P, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bình Phước (có mặt).

2. Bị đơn: - Ông Võ Hà Đ, sinh năm 1965 (có mặt)

- Bà Trần Thị Ch, sinh năm 1968 (có mặt)

Cùng địa chỉ: Tổ 9, ấp K54, xã Lộc Th, huyện L, tỉnh Bình Phước.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Đ, bà Ch là Luật sư Nguyễn Thành L, sinh năm: 1959 Luật sư Văn phòng Luật sư C – Đoàn Luật sư thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ: 15A/1 L, phường B, quận 01, thành phố Hồ Chí Minh.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Trần Thu B, sinh năm: 1956, địa chỉ: Ấp 8, xã A, huyện L, tỉnh Bình Phước (có mặt).

- Chị Võ Huyền Tr, sinh năm 1993 (vắng mặt)

- Anh Võ Vũ Tr1, sinh năm 1994 (vắng mặt)

- Cháu Võ Ngọc Th, sinh năm 2003 (vắng mặt)

Người đại diện theo pháp luật của Cháu Võ Ngọc Th: Ông Võ Hà Đ, sinh năm 1965 và Bà Trần Thị Ch, sinh năm 1968 (có mặt)

Những người liên quan trên có cùng địa chỉ: Tổ 9, ấp K54, xã Lộc Th, huyện L, tỉnh Bình Phước.

4. Người làm chứng:

- Bà Lê Mỹ L, sinh năm 1954 (có mặt)

- Bà Võ Hồng V, sinh năm 1964 (có mặt)

- Ông Võ Văn Ch1, sinh năm 1964 (có mặt)

Những người này cùng trú tại: Tổ 3, ấp Bù Núi A, xã T, huyện L, tỉnh Bình Phước.

- Ông Võ Tấn Đ, sinh năm 1971 (có mặt)

Trú tại: Ấp K54, xã Lộc Th, huyện L, tỉnh Bình Phước

5. Người kháng cáo: Bị đơn Ông Võ Hà Đ, Bà Trần Thị Ch.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 14/01/2019, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Trần Thiết H trình bày:

Từ năm 2008 đến đầu năm 2015, bà Đặng Ngọc D và ông Trần Trung M có thỏa thuận cho vợ chồng ông Võ Hà Đ và bà Trần Thị Ch vay tiền nhiều lần và đầu tư tiền cho ông Đ, bà Ch trồng mỳ, trồng cây cao su và trồng tiêu. Do ông Đ và bà Ch không thực hiện đúng như thỏa thuận nên vào ngày 01/02/2015, giữa Ông Trần Trung M, bà Đặng Ngọc D với ông Võ Hà Đ, bà Trần Thị Ch thống nhất chốt lại số tiền mà ông Đ, bà Ch còn nợ lại là 238.000.000 đồng, đồng thời hai bên thống nhất lại thành số tiền ông Đ, bà Ch vay của ông M, bà D là 238.000.000 đồng, hẹn trả 100.000.000 đồng vào ngày 01/02/2016, số tiền còn lại không hẹn thời gian trả, việc thỏa thuận có viết giấy và ông Đ cùng bà Ch ký tên vào giấy mượn tiền vay. Do đến hạn ông Đ và bà Ch không thực hiện nên ngày 26/3/2018, ông Đ có viết giấy hẹn trả nợ, xác định ông Đ và bà Ch còn nợ ông M và bà D 238.000.000 đồng, hẹn trả một nửa số tiền vào ngày 20/12/2018, một nửa còn lại trả vào ngày 20/12/2019. Tuy nhiên, cho đến nay ông Đ và bà Ch chưa trả cho ông M và bà D số tiền nào. Việc cho vay các bên không có thỏa thuận trả tiền lãi.

Đến đầu năm 2019 thì ông M và bà D có giữ bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ ông Võ Hà Đ. Mục đích ông M và bà D giữ giấy tờ trên là để đảm bảo ông Đ và bà Ch có trách nhiệm trả số tiền 238.000.000 đồng.

Nay ông M và bà D giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu ông Đ và bà Ch liên đới trả cho ông M và bà D số tiền 238.000.000 đồng (Hai trăm ba mươi tám triệu đồng). Ông M và bà D sẽ hoàn trả bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Đ và bà Ch ở giai đoạn thi hành án (Khi vụ án có quyết định hoặc có bản án đã có hiệu lực pháp luật)

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn ông Võ Hà Đ và bà Trần Thị Ch thống nhất trình bày:

Ông bà có vay tiền của ông M và bà D 02 lần tiền, cụ thể: Vào năm 2008, ông bà vay số tiền 40.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất năm đầu tiên là 50%/năm/40.000.000 đồng, từ năm thứ hai tính lãi suất là 40%/năm/40.000.000 đồng. Đến năm 2010 thì ông bà vay tiếp số tiền 20.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất năm đầu tiên là 50%/năm/20.000.000 đồng, từ năm thứ hai tính lãi suất là 40%/năm/20.000.000 đồng. Khi vay 02 lần tiền đều có làm giấy, giấy đó do ông bà viết và ông M bà D giữ giấy.

Đến nay ông bà đã trả được tổng cộng 06 lần tiền lãi, cụ thể: Năm 2010 trả số tiền 39.000.000 đồng; Năm 2012 trả 25.000.000 đồng; Năm 2014 trả 18.000.000 đồng; Năm 2015 trả 39.000.000 đồng; Năm 2016 trả 48.000.000 đồng; Năm 2017 trả 75.000.000 đồng. Tổng cộng, ông bà đã trả được tổng số tiền lãi là 244.000.000 đồng.

Khi trả tiền lãi không có làm giấy tờ gì. Khi trả tiền lãi, ông M, bà D xé bỏ giấy vay cũ và ông bà viết lại giấy vay mới. Lý do viết lại giấy vay mới là tiền lãi trả không đủ nên bà D và ông M xé bỏ giấy vay cũ và ông bà viết lại giấy vay mới thể hiện số tiền vay là nợ gốc cũ và gộp cả tiền lãi còn nợ lại thành nợ gốc mới. Các lần trả tiền lãi sau vẫn thực hiện như vậy.

Giấy mượn tiền đề ngày 01/02/2015 và giấy hẹn trả nợ đề ngày 26/3/2018 thể hiện số tiền nợ 238.000.000 đồng là do ông Đ viết. Tuy nhiên, số tiền 238.000.000 đồng là gộp cả tiền gốc của hai lần vay tiền trước đó (vay vào năm 2008 với số tiền 40.000.000 đồng và vay vào năm 2010 với số tiền 20.000.000 đồng) và tiền lãi chưa trả. Thực tế ông bà chỉ vay của ông M bà D hai lần với số tiền gốc là 60.000.000 đồng và ông bà đã trả được tổng cộng số tiền lãi là 244.000.000 đồng.

Đến đầu năm 2019, ông bà có nhờ bà D làm thủ tục vay lại tiền của Ngân hàng và đưa bản chính giấy chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà D nhưng bà D không vay Ngân hàng mà giữ luôn những giấy tờ đó cho đến nay. Tại phiên tòa, thì ông bà mới biết giấy chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu của ông bà là do bà Trần Thu B giữ.

Trước yêu cầu khởi kiện của phía nguyên đơn thì ông bà chỉ đồng ý trả cho bà D và ông M số tiền 60.000.000 đồng vì ông bà đã trả được tổng cộng 244.000.000 đồng tiền lãi cho ông M và bà D. Đồng thời ông bà đề nghị Tòa án buộc ông M và bà D trả cho ông bà bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 00847 ngày 24/11/2014 mang tên hộ ông Võ Hà Đ; Buộc bà Trần Thu B trả

lại cho ông bà bản chính 02 Giấy chứng minh nhân dân mang tên ông Võ Hà Đ và bà Trần Thị Ch và Sổ hộ khẩu mang tên chủ hộ ông Võ Hà Đ.

Quá trình giải quyết vụ án và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Chị Võ Huyền Tr, Anh Võ Vũ Tr1 và cháu Võ Ngọc Th thống nhất trình bày: Việc vay mượn tiền giữa ông Đ, bà Ch và vợ chồng ông M, bà D diễn ra từ thời điểm nào, tiền vay là bao nhiêu thì hoàn toàn không biết. Vì vậy, không liên quan và không chịu trách nhiệm liên đới đến việc vay mượn này, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật. Do bận công việc nên xin vắng mặt suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án. Mọi vấn đề liên quan đến vụ án do ông Đ và bà Ch quyết định.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan—bà Trần Thu B trình bày: Bà có biết ông Võ Văn Đ và bà Trần Thị Ch vì đầu năm 2019, bà có cho ông Đ và bà Ch vay số tiền 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng) để trả tiền Ngân hàng. Bà biết ông Đ và bà Ch là do bà Đặng Ngọc D giới thiệu, ngày hôm bà cho ông Đ bà Ch vay tiền có mặt bà Đặng Ngọc D. Sau khi ông Đ trả tiền cho Ngân hàng, lấy lại sổ thì bà thấy ông Đ đưa giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà D để bà D làm thủ tục vay tiền lại của Ngân hàng. Còn việc vay tiền giữa ông M, bà D với ông Đ, bà Ch thì bà hoàn toàn không biết. Tại phiên tòa, bà xác định hiện bà đang giữ bản chính 02 Giấy chứng minh nhân dân mang tên ông Võ Hà Đ, bà Trần Thị Ch và Sổ hộ khẩu mang tên chủ hộ ông Võ Hà Đ. Nếu Tòa án buộc bà phải trả những giấy tờ này cho ông Đ và bà Ch thì bà đồng ý trả lại.

Những người làm chứng – bà Võ Hồng V, bà Phạm Thị Hải, bà Lê Mỹ L và ông Võ Văn Ch1 thống nhất trình bày: Vì ông bà có vay tiền của bà D và ông M nên ông bà có nghe bà D nói lại là bà D, ông M có cho ông Đ và bà Ch vay số tiền 60.000.000 đồng. Còn đối với việc giữa ông M, bà D với ông Đ, bà Ch thỏa thuận và viết giấy mượn tiền vào năm 2015 và viết giấy hẹn trả nợ vào năm 2018 cũng như việc bà Ch, ông Đ xác định đã trả tiền lãi cho ông M, bà D với số tiền 244.000.000 đồng thì ông bà hoàn toàn không biết vì không có chứng kiến.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2018/DS-ST ngày 25/4/2019 của Tòa án nhân dân huyện L đã quyết định:

Buộc ông Võ Hà Đ và bà Trần Thị Ch liên đới trả cho ông Trần Trung M và bà Đặng Ngọc D số tiền 238.000.000 đồng (Hai trăm ba mươi tám triệu đồng).

Buộc ông Trần Trung M và bà Đặng Ngọc D trả cho ông Võ Hà Đ và bà Trần Thị Ch bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và các tài sản khác gắn liền với đất số CH00847, do UBND huyện L cấp ngày 24/11/2014 mang tên hộ ông Võ Hà Đ.

Buộc bà Trần Thu B trả cho ông Võ Hà Đ và bà Trần Thị Ch bản chính các giấy tờ sau: Giấy chứng minh nhân dân số 285582905, do Công an tỉnh Bình Phước cấp ngày 28/02/2014 mang tên ông Võ Hà Đ; Giấy chứng minh nhân dân số 285578508, do Công an tỉnh Bình Phước cấp ngày 05/4/2013 mang tên bà Trần Thị Ch; Sổ hộ khẩu số 2734 do Công an xã Lộc Th cấp ngày 15/6/2012 mang tên chủ hộ ông Võ Hà Đ.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

Ngày 06/05/2019, bị đơn ông Võ Hà Đ, bà Trần Thị Ch kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Đại diện theo ủy quyền của các nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.
- Bị đơn ông Đ, bà Ch thay đổi một phần yêu cầu kháng cáo, theo đó ông bà đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Đ, bà Ch đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 347 Bộ luật tố tụng dân sự chấp nhận kháng cáo của bị đơn, sửa án sơ thẩm theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì các lý do:

- + Thứ nhất, Giấy mượn tiền đề ngày 01/02/2015 không phải là Hợp đồng vay tài sản vì trên thực tế vào ngày 01/02/2015 bị đơn không nhận số tiền 238 triệu từ nguyên đơn. Trong khi, phía nguyên đơn cho rằng số tiền trên được hình thành từ việc hai bên mua bán khoai mì với nhau trước đó, còn phía bị đơn xác nhận là số tiền trên là tiền cộng gộp của 60 triệu gốc, bị đơn vay từ năm 2008 và 2010 cộng dồn với tiền lãi.

- + Thứ hai, nguyên đơn không chứng minh được giấy mượn tiền ngày 01/02/2015 là tổng hợp của nhiều lần các bị đơn vay tiền.

- + Thứ ba, theo Giấy hẹn nợ ngày 26/3/2018 thì các bên đã thỏa thuận thời điểm phải trả nợ là ngày 20/12/2018 bị đơn phải trả một nửa (tức 119 triệu), đến ngày 20/12/2019 mới phải trả tiếp 119 triệu còn lại. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm lại thụ lý yêu cầu của nguyên đơn về yêu cầu bị đơn phải trả toàn bộ số nợ 238 triệu là thuộc trường hợp chưa đủ điều kiện khởi kiện (chưa đến thời hạn được đòi nợ) vi phạm khoản 3 Điều 465 và khoản 1 Điều 470 Bộ luật dân sự.

- + Thứ tư, nguyên đơn có hành vi cho vay nặng lãi cần phải được xem xét.

-Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước:

Về việc tuân theo pháp luật: Kể từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử phúc thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 1 Điều 192, điểm g khoản 1 Điều 217, Điều 311 và khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự 2015: - Hủy một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Trung M và bà Đặng Ngọc D đối với số tiền 119.000.000 đồng (1/2 trên tổng số tiền 238.000.000đ).

- Sửa Bản án sơ thẩm số 09/2019/DS-ST ngày 25/4/2019 của Tòa án nhân dân huyện L , tỉnh Bình Phước theo hướng: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn trả nợ đối với số tiền 119.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ thu thập được trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét kháng cáo của bị đơn ông Võ Hà Đ, bà Trần Thị Ch đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2] Tại Tòa, các bên đương sự cùng nhất trí công nhận số tiền 238.000.000đ được hình thành từ việc nhiều lần ông M, bà D cho ông Đ, bà Ch vay đồng thời các bên công nhận: Giấy mượn tiền đề ngày 01/02/2015 (bút lục số 08) có nội dung cơ bản *“Tôi Võ Hà Đ, vợ Trần Thị Ch...có mượn anh chị Minh Lộc Ninh số tiền 238.000.000 triệu (Hai trăm ba mươi tám triệu đồng chẵn). Thời gian thanh toán vào ngày 01/2/2016 dl tôi trả trước 100.000.000 triệu (Một trăm triệu)”* và Giấy hẹn trả nợ đề ngày 26/3/2018 (bút lục số 09) có nội dung *“Tôi Võ Hà Đ, vợ Trần Thị Ch...có nợ anh c hị Minh Dung Lộc Ninh Bình phước số tiền 238.000.000 triệu đồng (Hai trăm ba mươi tám triệu) hẹn đến ngày 20/12/2018 dl tôi trả cho anh chị phân nửa số tiền trên”* đều do ông Đ tự nguyện viết và vợ chồng ông Đ, bà Ch cùng ký tên. Theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự thì sự việc trên được coi là sự thật, không cần phải chứng minh.

[3] Tuy nhiên, xét việc bị đơn ông Đ, bà Ch rằng ông bà chỉ vay ông M, bà D số tiền 60.000.000 đồng (trong đó có 40.000.000 đồng vay năm 2008 và 20.000.000 đồng vay năm 2010, với lãi suất năm đầu tiên là 50%, từ năm thứ hai trở đi là 40%). Số tiền 238.000.000 đồng là tiền cộng gộp của số nợ gốc 60.000.000 đồng và tiền lãi chưa trả của số tiền 60.000.000 đồng; thực tế quá trình vay, ông Đ, bà Ch đã trả được cho ông M, bà D 6 lần với tổng số tiền lãi 244.000.000 đồng. Xét, trình bày trên của phía bị đơn là không có căn cứ do không được phía nguyên đơn thừa nhận, bị đơn cũng không có chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình là đúng. Mặt khác, theo trình bày của những người làm chứng mà bị đơn cung cấp cho Tòa án có mặt tại phiên tòa thì: Bà Lê Mỹ L chỉ xác định trước đây bà có nghe bà D nói năm 2008 bà D có cho ông Đ, bà Ch vay 40.000.000đ; những người làm chứng khác là Bà Võ Hồng V, ông Võ Văn Ch1 và ông Võ Tấn Đ thì cho rằng những người này trước đây có vay tiền của bà D, ông M với cùng một cách thức vay giống như cách thức mà ông M, bà D cho ông Đ, bà Ch vay (tức: khi đến vay tiền ông M, bà D ghi tiền vay vào một tờ lịch, sau này khi không trả được lãi hoặc vay thêm thì ông M, bà D sẽ xé bỏ giấy vay cũ và viết giấy vay mới nhập lãi vào số tiền vay gốc) nên cho rằng việc ông Đ, bà Ch chỉ vay của ông M, bà D 60 triệu đồng gốc như ông Đ, bà Ch trình bày là đúng chứ cũng không người nào trực tiếp chứng kiến việc vay mượn tiền gốc cũng như việc thanh toán tiền lãi giữa nguyên đơn ông M, bà D và bị đơn ông Đ, bà Ch .

[4] Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên buộc bị đơn ông Đ, bà Ch có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền 238 triệu đồng là có căn cứ và đúng pháp luật nên kháng cáo của bị đơn là không có căn cứ chấp nhận.

[5] Về Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và các tài sản khác gắn liền với đất (sau đây viết tắt là: GCN QSDĐ), Sổ hộ khẩu và Chứng minh nhân dân của ông Đ, bà Ch :

[6] Quá trình giải quyết vụ án các bên đều thừa nhận hiện nay ông M, bà D đang giữ của ông Đ, bà Ch GCN QSDĐ số CH00847, do UBND huyện L cấp ngày 24/11/2014 cho hộ Ông Võ Hà Đ và Bà Trần Thu B đang giữ 02 Giấy Chứng minh nhân dân (sau đây viết tắt là: Giấy CMND) của vợ chồng ông Đ, bà Ch . Lý do ông M, bà D giữ GCN QSDĐ là do ông Đ, bà Ch nhờ ông bà làm thủ tục vay vốn ở ngân hàng, do không vay được nên ông bà giữ giấy này làm tin để bảo đảm cho việc ông Đ, bà Ch trả nợ. Còn lý do bà Ba giữ Giấy CMND của bị đơn là vì hiện ông Đ, bà Ch cũng đang vay của bà 200.000.000đ, bà Ba sợ ông M, bà D có được CMND và Sổ hộ khẩu của vợ chồng ông Đ sẽ ép ông Đ, bà Ch bán đất để trừ nợ cho ông M, bà D thì bà Ba không có gì để thu hồi số nợ 200.000.000đ.

[7] Hội đồng xét xử xét thấy, việc Tòa án cấp sơ thẩm xem xét, giải quyết về nghĩa vụ trả lại các giấy tờ trên khi không làm thủ tục thụ lý đối với các yêu cầu này là không phù hợp. Song, sau khi bản án sơ thẩm tuyên buộc nguyên đơn phải trả lại cho bị đơn Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và buộc người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Ba phải trả lại cho bị đơn các CMND và Sổ hộ khẩu thì các đương sự đều không ai kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết, cần giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm về phần này.

[8] Về việc người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các bị đơn yêu cầu xem xét về hành vi cho vay nặng lãi của các nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng: Tại phiên tòa, bị đơn không có chứng cứ chứng minh mức lãi mà các bên đã thỏa thuận trong khi lại trình bày mâu thuẫn về mức lãi mà các bên đã thỏa thuận, cụ thể: bị đơn cho rằng nguyên đơn tính lãi với mức 50% trong năm đầu, từ năm thứ hai trở đi là 40% nhưng lại không xác định được mức này áp dụng trên một năm hay tính theo hàng tháng. Hơn nữa, yêu cầu này không thuộc phạm vi giải quyết trong vụ án này nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[9] Án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của bị đơn ông Đ, bà Ch không được chấp nhận nên đáng lẽ ông Đ, bà Ch phải chịu nhưng do ông Đ, bà Ch là người khuyết tật nên được miễn tiền án phí.

[10] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa và của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho các bị đơn không có căn cứ nên không được chấp nhận.

[11] Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Ông Võ Hà Đ, Bà Trần Thị Ch .

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2019/DS-ST ngày 25/4/2019 của Tòa án nhân dân huyện L .

Căn cứ các điều 463, 465, 466 và 288 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn.

Buộc ông Võ Hà Đ và bà Trần Thị Ch có trách nhiệm liên đới trả cho ông Trần Trung M và bà Đặng Ngọc D số tiền 238.000.000 đồng (Hai trăm ba mươi tám triệu đồng).

2. Buộc ông Trần Trung M và bà Đặng Ngọc D trả cho ông Võ Hà Đ và bà Trần Thị Ch bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và các tài sản khác gắn liền với đất số CH00847, do UBND huyện L cấp ngày 24/11/2014 cho hộ Ông Võ Hà Đ.

3. Buộc Bà Trần Thu B trả cho ông Võ Hà Đ và bà Trần Thị Ch bản chính các giấy tờ sau: Giấy chứng minh nhân dân số 285582905, do Công an tỉnh Bình Phước cấp ngày 28/02/2014 mang tên ông Võ Hà Đ; Giấy chứng minh nhân dân số 285578508, do Công an tỉnh Bình Phước cấp ngày 05/4/2013 mang tên Bà Trần Thị Ch ; Sổ hộ khẩu số 2734 do Công an xã Lộc Th cấp ngày 15/6/2012 mang tên chủ hộ Ông Võ Hà Đ.

4. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Miễn toàn bộ án phí cho bị đơn ông Đ và bà Ch do ông bà là người khuyết tật (có xác nhận của chính quyền địa phương);

Ông M và bà D không phải chịu. Chi cục Thi hành án dân sự huyện L trả lại cho ông M và bà D số tiền 5.950.000 đồng (Năm triệu chín trăm năm mươi ngàn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006420 ngày 29/01/2019.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Đ, bà Ch được miễn tiền án phí.

Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Bình Phước;
- Tòa án ND huyện L ;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND huyện L ;
- Chi Cục THADS huyện L ;
- Lưu hồ sơ vụ án, VT.

(Đã ký)

Đinh Thị Quý Chi

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Nhân Lê Viết Hòa

Đinh Thị Quý Chi